TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2018/HSST
Ngày: 21 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Đinh Hữu Cải;
+ Ông Trần Việt Hùng;

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E*** tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2018/TLST-HS ngày 29/10/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST-HS ngày 06/11/2018, đối với bị cáo:

Trần Văn A, sinh năm 1983 tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Tổ 20, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 01/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tuấn và bà Lê Thị Kiên; có vợ là Võ Thị Ngọc Yến, sinh năm 1985 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2005, người con nhỏ nhất sinh năm 2012; Về nhân thân: Tại bản án số 48/2000/HSST ngày 22/9/2000 Trần Văn A bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tại bản án số 102/HSST ngày 28/9/2007 Trần Văn A bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã được xóa án tích); Tiền án: Tại bản án số 126/HSPT ngày 27/11/2002 Trần Văn A bị Tòa án nhân dân tỉnh E xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù, chưa thi hành phần án phí nên chưa được xóa án tích; Tiền sự: Vào ngày 16/6/2018 bị Trưởng Công an xã C, huyện D, tỉnh E xử phạt hành chính 750.000 đồng theo quyết định số 110/QĐ-XPHC ngày 16/8/2018 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Trần Văn A chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/8/2018, đến ngày 20/8/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 14/8/2018, Trần Văn A điều khiển xe mô tô biển số 70F1-50701 sang Campuchia gặp một người tên Bốt (chưa rõ nhân thân, địa chỉ) mua 02 tép ma túy loại Methamphetamine giá 400.000 đồng. Sau đó, A gói ma túy vào giấy bạc và cất vào túi quần sau bên trái rồi điều khiển xe mô tô về Việt Nam. Trên đường về đến khu vực ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E thì bị Đồn biên phòng C, thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh E bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Kết luận giám định số 972/KL-KTHS, ngày 17/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh E, kết luận: mẫu tinh thể màu trắng bên trong 02 gói nylon (kí hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,6271 gam; sau giám định còn lại 0,5425 gam.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 bì thư đã được niêm phong có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn Nguyện và trợ lý Nguyễn Thị Xiếu và dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh E, bên trong có 02 bịch nylon (kí hiệu M), khối lượng 0,6271 gam ma túy loại Methamphetamine, sau khi giám định còn loại 0,5425 gam;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model 1280, số IMEI 355862/01/551557/4 của bị cáo Trần Văn A;

- 01 xe mô tô biển số 70F1-50701, do không xác định được nguồn gốc của xe nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển giao cho Công an huyện D xử lý theo quy định của pháp luật.

* Về kê biên tài sản: Trần Văn A không có tài sản nên không kê biên.

* Đối với người Camphuchia tên Bốt, do chưa xác định được nhân thân, địa chỉ nên chưa làm việc được, khi nào xác định được, làm rõ có biện pháp xử lý sau.

Bản cáo trạng số 115/CT-VKSTC ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E truy tố bị cáo Trần Văn A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn A về tội danh, Điều luật như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 06 đến 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các vật chứng thu giữ theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Trần Văn A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, tỉnh E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành của bị cáo đã thực hiện: Vào khoảng 07 giờ, ngày 14/8/2018, Trần Văn A điều khiển xe mô tô biển số 70F1-50701 sang Campuchia gặp một người tên Bốt (chưa rõ nhân thân, địa chỉ) mua 02 tép ma túy loại Methamphetamine giá 400.000 đồng. Sau đó, A gói ma túy vào giấy bạc và cất vào túi quần sau bên trái rồi điều khiển xe mô tô về Việt Nam. Trên đường về đến khu vực ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E thì bị Đồn biên phòng C, thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh E bắt quả tang cùng tang vật.

Tại Kết luận giám định số 972/KL-KTHS, ngày 17/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh E, kết luận: mẫu tinh thể màu trắng bên trong 02 gói nylon (kí hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,6271 gam; sau giám định còn lại 0,5425 gam.

Tại bản án số 126/HSPT ngày 27/11/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh E áp dụng khoản 1 Điều 140, điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự nam 1999 xử phạt Trần Văn A 01 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù, chưa thi hành phần án phí, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm.

Do đó hành vi của bị cáo Trần Văn A đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp các qui định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy nên A phải có mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và đồng thời mới có tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng A xem xét đến các yếu tố về nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng có 03 tiền án trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích và có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhệm hình sự: Không có.

Do bị cáo có nhân thân không tốt, đã có 03 tiền án về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản, trong đó có 02 tiền án đã được xóa án tích, 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó lần phạm tội này của bị cáo A phải xét xử bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới

đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và đồng thời mới có tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ trên người bị cáo A là 02 bịch nylon, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng có trọng lượng trước khi giám định là 0,6271 gam, trọng lượng sau khi giám định là 0,5425 gam. Đây là vật cấm tàng trữ do đó căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự A tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng thu giữ là 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model 1280, số IMEI 355862/01/551557/4. Đây là vật chứng thu giữ của bị cáo A nhưng bị cáo A không sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên căn khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự A hoàn trả lại cho bị cáo A. Tuy nhiên A tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng này đang được tạm giữ tại Cơ quan Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E.

- Đối với vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô biển số 70F1-50701, số máy: 1P50FMG3-10087417, số khung: FS100*14000527*. Đây là tài sản do bị cáo A mượn của ông Giáp Ngọc Lân dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Tuy ông Lân không biết mục đích mượn xe của bị cáo A nhưng do xe không có nguồn gốc rõ ràng, trong quá trình điều tra vật chứng này đã được giao cho Công an huyện D, tỉnh E xác minh làm rõ và xử lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Văn A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm o; khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn A 05 (năm) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 14/8/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Tịch thu và tiêu hủy 02 bịch nylon, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng có trọng lượng trước khi giám định là 0,6271 gam, trọng lượng sau khi giám định là 0,5425 gam.

- Hoàn trả cho bị cáo Trần Văn A 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model 1280, số IMEI 355862/01/551557/4 nhưng tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng này đang được tạm giữ tại Cơ quan Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh E.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho bị cáo Trần Văn A biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh E trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- THA phạt tù;
- Phòng PV27-Công an E;
- Đội điều tra CA huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh E;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Phú Sang